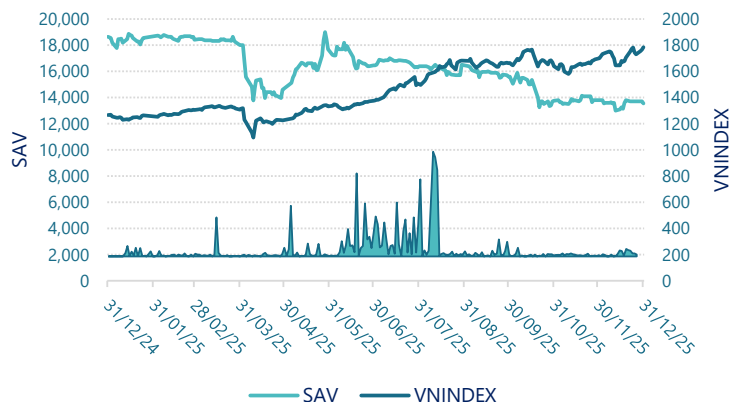


CTCP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex (HSX: SAV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,000
SL cổ phiếu LH	26,033,470
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,590
% sở hữu nước ngoài	49.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	353
P/E	36.7
EPS	369

DT thuần

Q4/25

297

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 45.0 | 18.0%

YoY: ▼ 12.0 | -3.8%

LN sau thuế

Q4/25

-1.77

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 19.0 | -110%

YoY: ▼ 4.72 | -160%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.8%

+/- YoY: ▼ 5.0%

DT thuần

2025

1,062

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 7.00 | -0.6%

LN sau thuế

2025

9.60

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 44.5 | -82.3%

ROE

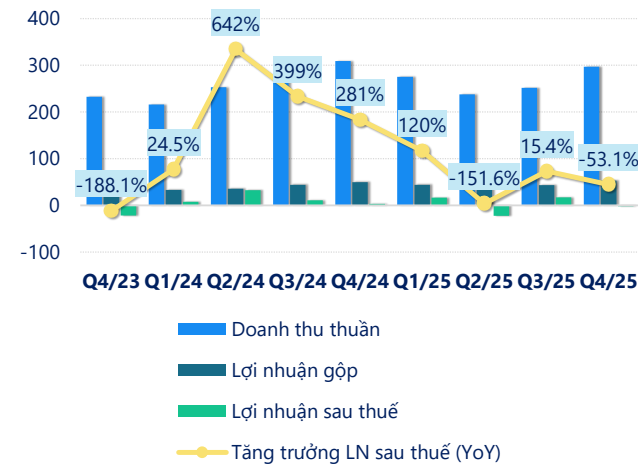
2025

2.6%

+/- YoY: ▼ 12.6%

tỷ VNĐ

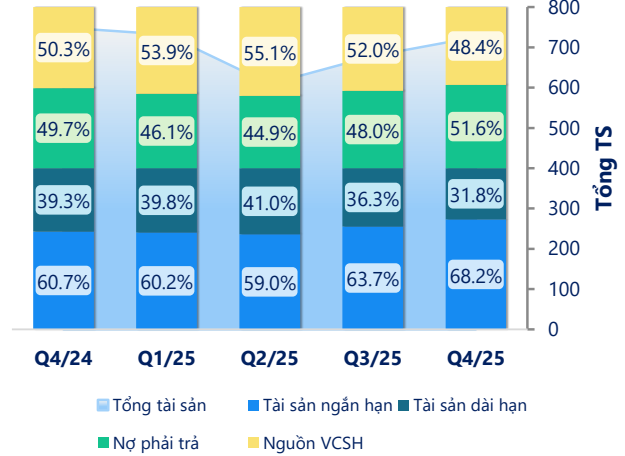
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

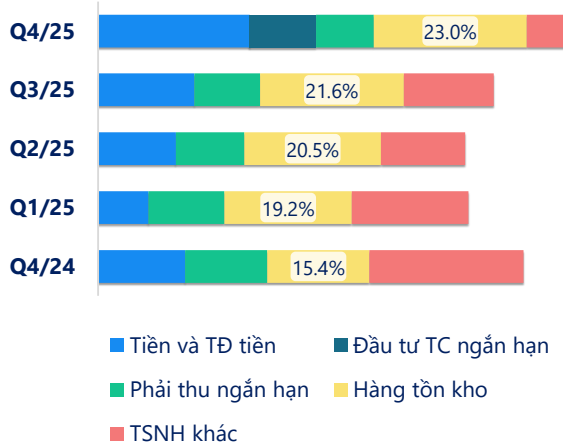
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



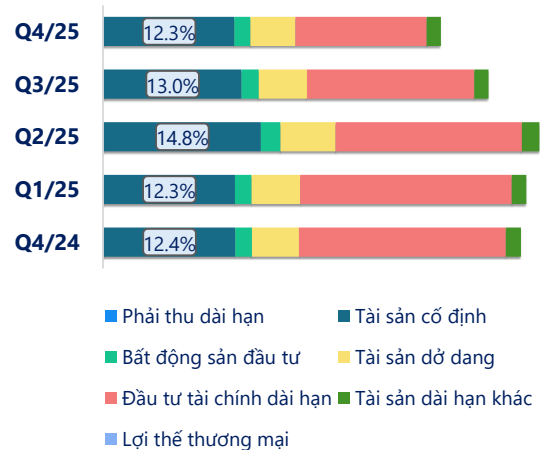
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

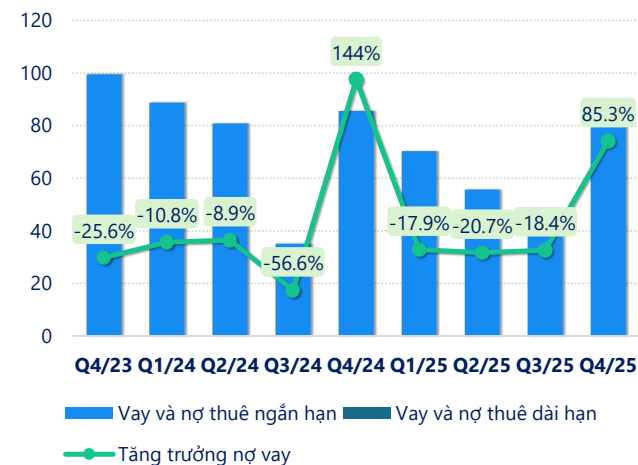
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

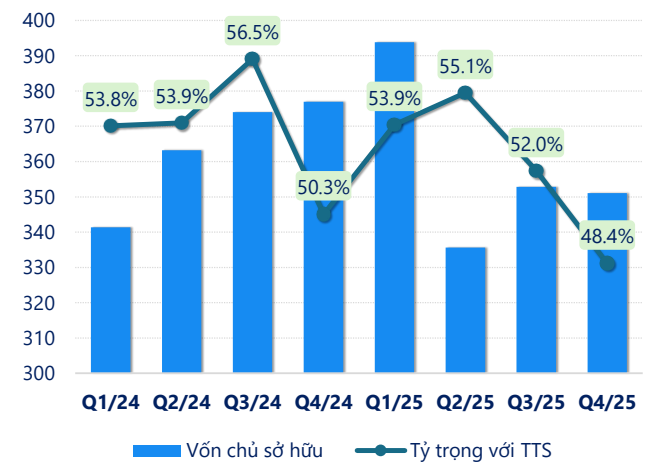
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

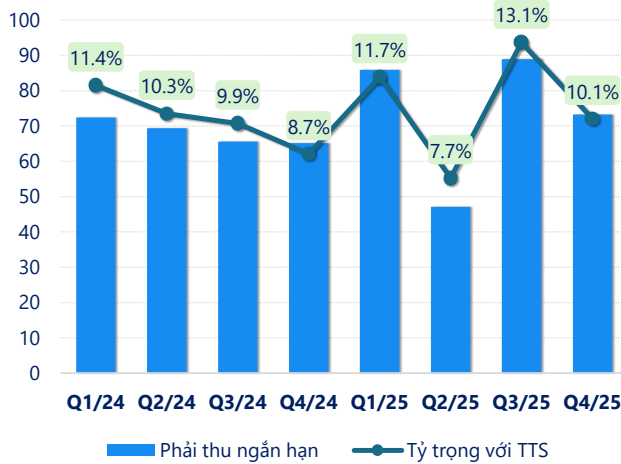
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



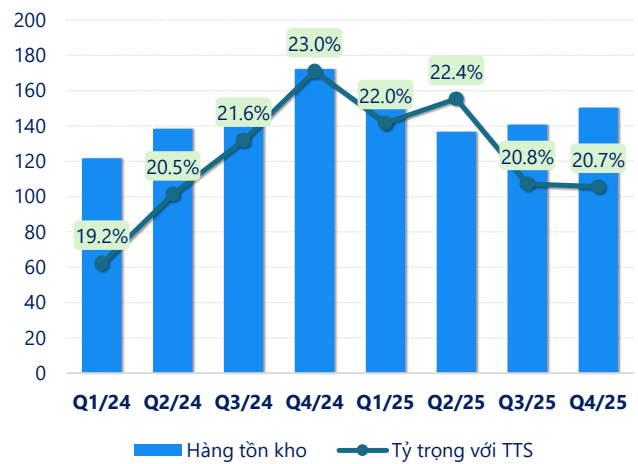
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


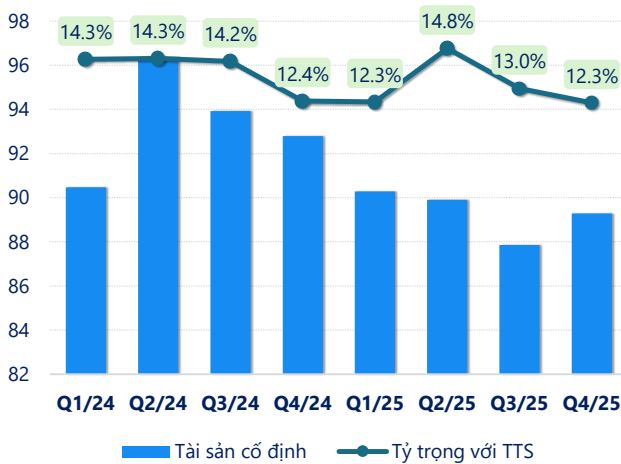
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


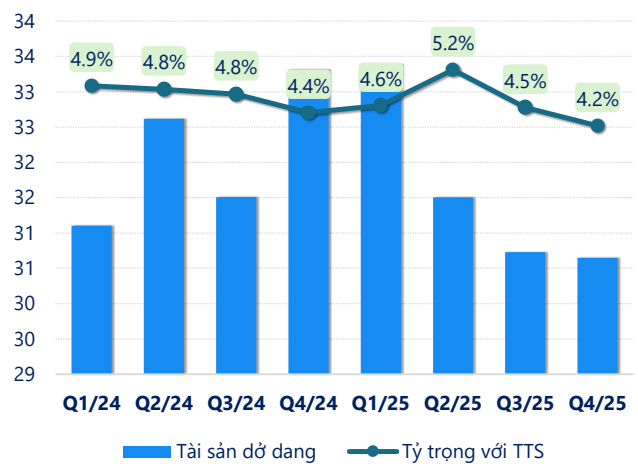
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

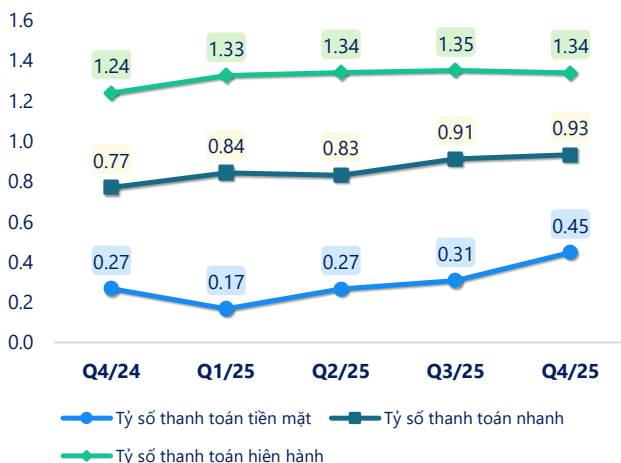
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

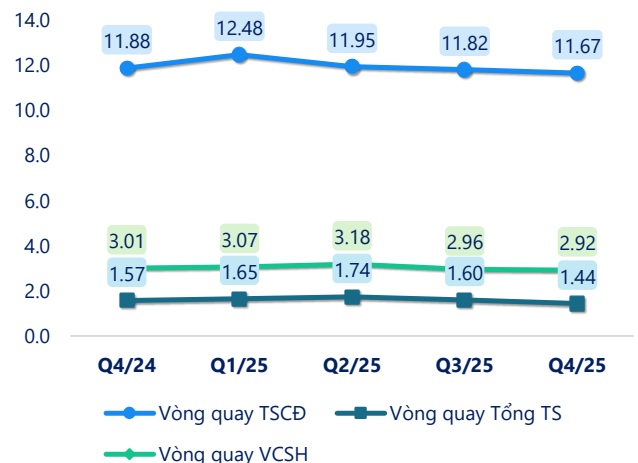
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	749	731	609	678	726
Tài sản ngắn hạn	455	440	359	432	495
Tiền và tương đương tiền	98.0	55.6	71.4	98.2	165
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.0	80.0	36.0	56.0	71.0
Phải thu ngắn hạn	65.1	85.9	47.1	88.9	73.2
Hàng tồn kho	172	161	137	141	150
Tài sản ngắn hạn khác	44.4	58.1	67.9	48.5	35.4
Tài sản dài hạn	294	291	250	246	231
Phải thu dài hạn	0.52	0.52	0.52	0.52	0.52
Tài sản cố định	92.8	90.3	89.9	87.9	89.3
Bất động sản đầu tư	11.5	11.4	11.2	11.1	10.9
Tài sản dở dang	33.3	33.4	31.5	30.7	30.6
Đầu tư tài chính dài hạn	146	146	107	107	89.5
Tài sản dài hạn khác	10.7	9.92	10.1	9.07	9.74
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	372	337	273	325	375
Nợ ngắn hạn	367	332	268	320	370
Vay và nợ thuê ngắn hạn	85.6	70.3	55.7	45.5	84.3
Phải trả người bán ngắn hạn	160	154	117	148	153
Nợ dài hạn	5.38	5.38	5.38	5.53	5.01
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	377	394	336	353	351
Vốn chủ sở hữu	377	394	336	353	351
Vốn điều lệ	252	252	264	264	264
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)